



## **CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN PHÚ**

**CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN - TÀI CHÍNH - TƯ VẤN**  
Phòng 2003 - Nhà 34T Trung Hoà - Quận Cầu Giấy - Hà Nội  
Tel: (84-4) 2221 0304 Fax: (84-4) 2221 0305  
Email: anphu@anphugroup.com.vn Website: www.anphugroup.com.vn

### **CÔNG TY CỔ PHẦN THẠCH CAO XI MĂNG**

#### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	8 - 22

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thạch cao Xi măng (gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

**Hội đồng Quản trị**

Bà Nguyễn Bích Thủy	Chủ tịch, bổ nhiệm từ ngày 27/04/2010
Ông Tạ Quang Bửu	Chủ tịch, miễn nhiệm từ ngày 27/04/2010
Ông Hoàng Việt	Ủy viên
Ông Nguyễn Ngọc Doan	Ủy viên
Ông Nguyễn Xuân Lương	Ủy viên
Ông Phạm Đình Nhật Cường	Ủy viên

**Ban Giám đốc**

Ông Hoàng Việt	Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Doan	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Lương	Phó Giám đốc

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế và vận hành hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành về lập Báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc



Hoàng Việt  
Giám đốc

Huế, ngày 12 tháng 8 năm 2010



## CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN PHÚ

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN - TÀI CHÍNH - TƯ VẤN  
Phòng 2003 - Nhà 34T Trung Hoà - Quận Cầu Giấy - Hà Nội  
Tel: (84-4) 2221 0304 Fax: (84-4) 2221 0305  
Email: anphu@anphugroup.com.vn Website: www.anphugroup.com.vn

Số: 108 /2010/AP-KT

### BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**Kính gửi:** Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Thạch cao Xi măng

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Bảng cân đối kế toán giữa niên độ của Công ty Cổ phần Thạch cao Xi măng (gọi tắt là "Công ty") tại ngày 30/6/2010, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010 và Thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc được trình bày từ trang 2 đến trang 21 kèm theo (Sau đây gọi tắt là Báo cáo tài chính giữa niên độ). Việc lập và trình Bày báo cáo tài chính giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ này dựa trên việc soát xét của chúng tôi.

#### Phạm vi soát xét


Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

#### Kết luận soát xét

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Chúng tôi xin lưu ý người đọc Báo cáo tài chính các nội dung sau:

- Theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 về lập báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty phải áp dụng các chính sách kế toán giống như chính sách kế toán áp dụng cho việc lập Báo cáo tài chính năm. Trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Công ty chưa thực hiện đánh giá chênh lệch tỷ giá đối với số dư các khoản công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày 30/6/2010.
- Về tình hình tài chính của Công ty, tại thời điểm 30/06/2010, số dư nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt quá tài sản lưu động số tiền là khoảng 20 tỷ đồng, trong đó chủ yếu bao gồm các khoản vay ngắn hạn Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam để thanh toán các khoản vay đến hạn trả phục vụ cho dự án đầu tư xây dựng Trạm nghiền xi măng Quảng Trị. Do đó, khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn trả của Công ty phụ thuộc vào nguồn thu từ hoạt động kinh doanh và các khoản hỗ trợ tài chính khác trong 6 tháng cuối năm 2010. Ban Giám đốc Công ty đang xây dựng kế hoạch tài chính và sẵn sàng xin gia hạn các khoản nợ đến hạn (nếu cần thiết) cũng như các biện pháp hỗ trợ tài chính kịp thời của Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam và các chủ nợ khác sẽ đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty liên tục và ổn định.

  
Vũ Bình Minh  
Giám đốc  
Chứng chỉ KTV số Đ.0034/KTV

Thay mặt và đại diện cho  
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN PHÚ  
Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2010

  
Nguyễn Thương  
Kiểm toán viên  
Chứng chỉ KTV số 0308/KTV

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2010

MẪU B 01a-DN  
Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2010		01/01/2010	
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>94.599.167.761</b>		<b>94.388.884.583</b>	
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>29.805.615.611</b>		<b>37.673.566.271</b>	
1. Tiền	111		5.284.087.833		10.152.258.052	
2. Các khoản tương đương tiền	112		24.521.527.778		27.521.308.219	
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5</b>	<b>200.000.000</b>		-	
1. Đầu tư ngắn hạn	121		200.000.000		-	
<b>III. Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>		<b>43.802.453.614</b>		<b>38.016.115.212</b>	
1. Phải thu của khách hàng	131		37.934.459.375		30.065.793.454	
2. Trả trước cho người bán	132		5.440.583.102		7.383.788.683	
3. Các khoản phải thu khác	135		498.836.718		637.958.656	
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(71.425.581)		(71.425.581)	
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>6</b>	<b>19.777.212.843</b>		<b>15.334.128.681</b>	
1. Hàng tồn kho	141		19.777.212.843		15.334.128.681	
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-		-	
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.013.885.693</b>		<b>3.365.074.419</b>	
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		37.114.364		127.235.061	
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		930.880.015		1.939.088.434	
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		1.467.811		1.467.811	
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		44.423.503		1.297.283.113	
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200=220)	<b>200</b>		<b>161.294.957.645</b>		<b>154.582.154.624</b>	
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>161.294.957.645</b>		<b>154.582.154.624</b>	
1. Tài sản cố định hữu hình	221	<b>7</b>	3.600.721.213		4.035.996.274	
- Nguyên giá	222		35.518.095.057		35.498.385.966	
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(31.917.373.844)		(31.462.389.692)	
2. Tài sản cố định vô hình	227		-		-	
- Nguyên giá	228		177.000.000		177.000.000	
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(177.000.000)		(177.000.000)	
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	<b>8</b>	157.694.236.432		150.546.158.350	
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>255.894.125.406</b>		<b>248.971.039.207</b>	

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 22 là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính

*Handwritten signature*

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**  
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2010

MẪU B 01a-DN  
Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2010	01/01/2010
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>157.128.724.320</b>	<b>151.457.946.644</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>114.718.833.158</b>	<b>101.692.318.170</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	9	70.000.000.000	61.091.124.500
2. Phải trả cho người bán	312		35.559.055.844	33.131.522.759
3. Người mua trả tiền trước	313		68.670.960	357.769.496
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	10	276.528.265	346.602.931
5. Phải trả người lao động	315		1.475.042.885	1.696.423.846
6. Chi phí phải trả	316	11	5.843.568.969	3.508.194.562
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	12	1.362.506.390	1.074.315.981
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		133.459.845	486.364.095
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>42.409.891.162</b>	<b>49.765.628.474</b>
1. Vay và nợ dài hạn	334	13	42.409.891.162	49.765.628.474
<b>B. NGUỒN VỐN (400=410+430)</b>	<b>400</b>		<b>98.765.401.086</b>	<b>97.513.092.563</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>14</b>	<b>98.632.067.361</b>	<b>97.359.217.078</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		70.000.000.000	70.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		18.200.000.000	18.200.000.000
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	(287.978.280)
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		7.451.141.709	7.451.141.709
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.315.303.645	1.315.303.645
6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		680.750.004	680.750.004
7. Lợi nhuận chưa phân phối	420		984.872.003	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>133.333.725</b>	<b>153.875.485</b>
1. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		133.333.725	153.875.485
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>255.894.125.406</b>	<b>248.971.039.207</b>



Hoàng Việt  
Giám đốc

Huế, ngày 12 tháng 8 năm 2010

Hồ Thị Hà  
Kế toán trưởng

Ngô Thị Diệu Trang  
Người lập

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ  
Từ 01/01/2010 đến 30/6/2010

MẪU B 02a-DN  
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	
			Kỳ này	Kỳ so sánh
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	18	163.403.546.112	133.928.306.372
2. Các khoản giảm trừ		02	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10A	18	163.403.546.112	133.928.306.372
4. Giá vốn hàng bán		11	143.952.686.161	120.764.951.584
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng		20	19.450.859.951	13.163.354.788
6. Doanh thu hoạt động tài chính		21	1.190.062.967	2.240.801.683
7. Chi phí tài chính		22	2.339.045.975	70.553.549
Trong đó: Chi phí lãi vay		23	-	1.633.333
8. Chi phí bán hàng		24	15.136.669.866	9.040.117.390
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		25	5.086.737.404	5.630.720.805
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh		30	(1.921.530.327)	662.764.727
11. Thu nhập khác		31	3.047.098.331	1.683.364.474
12. Chi phí khác		32	-	-
13. Lợi nhuận khác		40	3.047.098.331	1.683.364.474
14. Lợi nhuận kế toán trước thuế		50	1.125.568.004	2.346.129.201
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		51	140.696.001	-
16. Lợi nhuận sau thuế		60	984.872.003	2.346.129.201
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		70	141	335



Hoàng Việt  
Giám đốc

Huế, ngày 12 tháng 8 năm 2010

Hồ Thị Hà  
Kế toán trưởng

Ngô Thị Diệu Trang  
Người lập

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 22 là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010

MẪU B 03a-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ so sánh
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	1.125.568.004	2.346.129.201
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	434.442.392	578.813.662
- Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	-
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(1.187.537.843)	(2.245.190.596)
- Chi phí lãi vay	06	-	1.633.333
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	372.472.553	681.385.600
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(4.585.552.547)	(6.551.698.028)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(4.443.084.162)	4.961.736.665
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	10.874.558.103	12.696.367.621
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	90.120.697	302.717.664
- Tiền lãi vay đã trả	13	(5.462.961.477)	(1.633.333)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	15.462.042.992	335.023.292
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(14.544.014.129)	(479.390.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(2.236.417.970)	11.944.509.481
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(6.213.188.721)	(13.810.510.993)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	4.590.909
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(350.000.000)	(300.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	150.000.000	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.187.537.843	2.027.547.552
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(5.225.650.878)	(12.078.372.532)
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	59.129.512.688	13.977.817.452
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(59.535.084.500)	(1.150.000.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(310.000)	(4.330.214.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(405.881.812)	8.497.603.452
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(7.867.950.660)	8.363.740.401
Tiền và các khoản tương đương tiền tồn đầu năm	60	37.673.566.271	44.965.093.958
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và các khoản tương đương tiền tồn cuối kỳ	70	29.805.615.611	53.328.834.359



Hoàng Việt  
Giám đốc

Huế, ngày 12 tháng 8 năm 2010

Hồ Thị Hà  
Kế toán trưởng

Ngô Thị Diệu Trang  
Người lập

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 22 là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính



## 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thạch cao Xi măng (gọi tắt là "Công ty") được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Doanh nghiệp nhà nước (Công ty Kinh doanh thạch cao xi măng thuộc Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam) theo Quyết định số 459/QĐ-BXD ngày 16/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3103000176 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế cấp ngày 17/04/2006; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 1 ngày 28/06/2007; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 2 ngày 15/02/2008, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế thay đổi lần 3 số 3300101300 ngày 27/04/2009 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế thay đổi lần 4 số 3300101300 ngày 07/07/2009.

Tổng số vốn điều lệ của Công ty là 70.000.000.000 đồng tương ứng với 7.000.000 cổ phiếu với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu, trong đó:

- Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam nắm giữ 3.584.525 cổ phiếu tương ứng với 35.845.250.000 đồng, chiếm 51,21 % vốn điều lệ.
- Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1 nắm giữ 700.000 cổ phiếu tương ứng với 7.000.000.000 đồng, chiếm 10 % vốn điều lệ.
- Các cổ đông khác nắm giữ 2.715.475 cổ phiếu tương ứng với 27.154.750.000 đồng, chiếm 38,79% vốn điều lệ.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 24 đường Hà Nội, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế,

Các đơn vị trực thuộc Công ty tại thời điểm ngày 30/06/2010 bao gồm:

- Xí nghiệp Xi măng Quảng Bình;
- Ban quản lý Dự án Trạm nghiên Xi măng Quảng Trị;
- Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Thạch cao Xi măng tại nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Thạch cao Xi măng tại Hải Phòng;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Thạch cao Xi măng tại Bình Sơn;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Thạch cao Xi măng tại Quảng Trị;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Thạch cao Xi măng tại Đà Nẵng.

Tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty tại ngày 30/06/2010 là 301 người (Tại 31/12/2009 là 311 người).

### Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính:

- Trồng rừng và chăm sóc rừng; Khai thác gỗ; Khai thác lâm sản khác; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Khai khoáng khác; Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép; Sản xuất đồ gỗ xây dựng; Sản xuất các sản phẩm khác từ gỗ và lâm sản khác;
- Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao, nghiên xi măng; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng, thạch cao; kinh doanh xi măng, nhập khẩu và kinh doanh thạch cao các loại;
- Bán buôn tổng hợp; Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá; Bán lẻ trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp; Kinh doanh dịch vụ vận tải hàng hóa đường bộ;
- Khách sạn; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống;
- Hoạt động viễn thông khác;
- Hoạt động vui chơi giải trí khác.

## 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

### Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010, được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành về lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập trên cơ sở cộng ngang các số liệu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ của Xí nghiệp Xi măng Quảng Bình, Ban Quản lý Dự án Trạm nghiên cứu Xi măng Quảng Trị và Văn phòng Công ty sau khi đã loại trừ các khoản phải thu, phải trả và các khoản điều chuyển nội bộ.

Hình thức ghi sổ kế toán: Hình thức nhật ký chung.

### Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 năm dương lịch.

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

### Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

### Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

### Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí thu mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí ước tính để hoàn thành và các chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

### Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành và theo các quy định của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, Công ty được phép lập dự phòng phải thu khó đòi cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ phải thu chưa đến thời hạn thanh toán nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THẠCH CAO XI MĂNG**

Số 24, đường Hà Nội, TP Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (Tiếp theo)**

**MẪU B 09a - DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm và xây dựng chuyển giao là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với các quy định của Thông tư số 203/2009/TT - BTC của Bộ Tài chính ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian khấu hao cụ thể của các loại tài sản như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 25
Máy móc, thiết bị	3 - 8
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí liên quan tới đầu tư xây dựng và chi phí lãi vay có liên quan trong thời kỳ đầu tư xây dựng cơ bản phù hợp với các quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Việc tính khấu hao của các tài sản được hình thành từ đầu tư xây dựng này được áp dụng giống như các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái bắt đầu sử dụng.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và doanh nghiệp có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi ra VND theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại số dư các tài khoản này được phản ánh vào khoản mục "Chênh lệch tỷ giá" trên bảng Cân đối kế toán. Số dư các tài khoản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào kết quả kinh doanh. Tại thời điểm 30/06/2010, Công ty chưa thực hiện đánh giá lại số dư công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ.

*Handwritten signature*

010  
C  
IACH  
KI  
A  
U G

### Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế. Hiện tại, Công ty đang được hưởng ưu đãi cho doanh nghiệp cổ phần mới thành lập và doanh nghiệp thực hiện niêm yết trên thị trường chứng khoán bao gồm miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi và giảm 50% số thuế phải nộp trong một (1) năm tiếp theo. Năm 2010 là năm Công ty được miễn giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời. Tuy nhiên, không có bất kỳ tài sản hoặc công nợ thuế hoãn lại nào được ghi nhận tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 do không có khoản chênh lệch tạm thời trọng yếu nào giữa giá trị ghi sổ của tài sản và công nợ ghi nhận trên Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế tương ứng.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam.

203  
CÔNG  
NHẬN  
M T  
V F  
47

*Scale*

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>30/06/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
	VND	VND
Tiền mặt	699.739.784	254.592.233
Tiền gửi ngân hàng	4.584.348.049	9.897.665.819
Các khoản tương đương tiền	24.521.527.778	27.521.308.219
<b>Cộng</b>	<b><u>29.805.615.611</u></b>	<b><u>37.673.566.271</u></b>

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn thể hiện số tiền gửi ngân hàng có thời hạn trên 3 tháng của Công ty. Số tiền này là các khoản nhận ký quỹ từ các khách hàng, Công ty chưa hạch toán lãi tiền gửi của các khoản đầu tư này mà sẽ hoàn trả lại số lãi này cho khách hàng khi thời gian ký quỹ đáo hạn.

6. HÀNG TỒN KHO

	<u>30/06/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	478.206.912	1.666.783.933
Nguyên liệu, vật liệu	1.188.861.838	929.033.291
Công cụ, dụng cụ	899.000	237.000
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.681.425.653	12.421.011
Hàng hoá	7.723.069.679	11.238.977.158
Hàng gửi đi bán	8.704.749.761	1.486.676.288
<b>Cộng</b>	<b><u>19.777.212.843</u></b>	<b><u>15.334.128.681</u></b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện được của HTK</b>	<b><u>19.777.212.843</u></b>	<b><u>15.334.128.681</u></b>

*Amc*

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (Tiếp theo)

MẪU B 09a - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

7. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại ngày 01/01/2010	19.807.146.794	10.644.000.736	3.850.780.950	1.196.457.486	35.498.385.966
Mua sắm	-	-	-	19.709.091	19.709.091
XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-
Thanh lý	-	-	-	-	-
Tại ngày 30/06/2010	19.807.146.794	10.644.000.736	3.850.780.950	1.216.166.577	35.518.095.057
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Tại ngày 01/01/2010	16.718.569.938	10.372.929.791	3.278.147.960	1.092.742.003	31.462.389.692
Khấu hao trong kỳ	276.904.906	69.457.808	73.200.388	35.421.050	454.984.152
Thanh lý	-	-	-	-	-
Tại ngày 30/06/2010	16.995.474.844	10.442.387.599	3.351.348.348	1.128.163.053	31.917.373.844
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 01/01/2010	3.088.576.856	271.070.945	572.632.990	103.715.483	4.035.996.274
Tại ngày 30/06/2010	2.811.671.950	201.613.137	499.432.602	88.003.524	3.600.721.213
Nguyên giá TSCĐ hết khấu hao vẫn sử dụng	12.368.455.845	9.575.842.771	2.542.784.979	974.248.467	25.461.332.062
Nguyên giá TSCĐ chờ thanh lý	32.400.000	-	-	187.331.372	219.731.372

*baic*

8. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỨNG DANG

	<u>30/06/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
	VND	VND
Dự án trạm nghiền Quảng Trị	157.595.086.344	150.447.008.262
Dự án khác	99.150.088	99.150.088
<b>Cộng</b>	<u><u>157.694.236.432</u></u>	<u><u>150.546.158.350</u></u>

Dự án Trạm nghiền xi măng Quảng Trị có công suất 250.000 tấn/năm được xây dựng theo Quyết định đầu tư số 1867/XMVN - HĐQT ngày 12/09/2003 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam và đang trong giai đoạn thực hiện sản xuất thử, chuẩn bị nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng trong quý III năm 2010. Theo Quyết định này, tổng mức đầu tư của Dự án là 151.982 triệu đồng, vốn vay là 122.570 triệu đồng. Toàn bộ giá trị công trình được dùng để thế chấp cho khoản vay theo Hợp đồng vay vốn số 01/2004/HĐ đã ký ngày 29/10/2004 với Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quảng Trị.

Công ty đã có văn bản trình với Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam về việc điều chỉnh tổng mức đầu tư của Dự án Trạm nghiền Xi măng Quảng Trị là 193,495 tỷ đồng. Nguyên nhân do tiến độ thi công xây dựng, lắp đặt của dự án kéo dài và đúng thời điểm có biến động lớn về giá ngoài tầm kiểm soát của chủ đầu tư và các nhà thầu.

9. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	<u>30/06/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
	VND	VND
Vay ngắn hạn (1)	50.000.000.000	1.256.084.500
Vay dài hạn đến hạn trả (2)	20.000.000.000	59.835.040.000
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	20.000.000.000	20.000.000.000
Ngân hàng đầu tư và phát triển Quảng Trị	-	39.835.040.000
<b>Cộng</b>	<u><u>70.000.000.000</u></u>	<u><u>61.091.124.500</u></u>

(1) Vay ngắn hạn là khoản vay Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam theo Hợp đồng vay vốn số 452/XMVN-KTTKTC ngày 12/04/2010. Tổng số tiền vay là 50 tỷ đồng, mục đích vay để trả nợ ngân hàng. Lãi suất cho vay là 8%/năm. Thời hạn cho vay là 01 năm thời hạn. Thời gian trả nợ gốc tối đa không quá 15/04/2011.

(2) Khoản vay Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam theo hợp đồng vay vốn số 1870/XMVN-KTTC ngày 31/12/2006. Tổng số tiền vay là 20 tỷ đồng, mục đích vay để đầu tư Dự án Trạm nghiền xi măng Quảng Trị. Lãi suất cho vay là 8,4%/năm. Thời hạn cho vay là 3 năm. Theo quy định về thời gian trả nợ của hợp đồng vay, kỳ trả nợ cuối cùng là 31/12/2009. Theo Phụ lục Hợp đồng vay vốn số 453/XMVN-KTTKTC ngày 12/04/2010 thời hạn cho vay của khoản vay này được gia hạn 1 năm kể từ ngày 01/01/2010 đến hết ngày 31/12/2010 với lãi suất là 8%/năm từ 01/01/2010, thời gian trả nợ gốc tối đa không quá ngày 01/01/2011.

10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

	<u>30/06/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	84.602.004	297.594.351
Thuế thu nhập cá nhân	6.652.585	4.430.905
Thuế thu nhập doanh nghiệp	140.696.001	-
Các khoản thuế khác	44.577.675	44.577.675
<b>Cộng</b>	<b><u>276.528.265</u></b>	<b><u>346.602.931</u></b>

11. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<u>30/06/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
	VND	VND
Chi phí sửa chữa lớn Tài sản cố định	215.000.000	-
Chi phí lãi vay phải trả	2.860.192.936	3.197.523.197
Chi phí phải trả khác	2.768.376.033	310.671.365
<b>Cộng</b>	<b><u>5.843.568.969</u></b>	<b><u>3.508.194.562</u></b>

12. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC

	<u>30/06/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
	VND	VND
Tài sản thừa chờ giải quyết	61.548.325	-
Kinh phí công đoàn	66.547.343	46.090.238
Bảo hiểm xã hội	158.802.510	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	200.000.000	-
Các khoản phải trả phải nộp khác	875.608.212	1.028.225.743
<b>Cộng</b>	<b><u>1.362.506.390</u></b>	<b><u>1.074.315.981</u></b>

*has*



**13. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

	<u>30/06/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
	VND	VND
Công ty Tài chính Cổ phần Xi măng (1)	4.831.544.594	4.572.929.050
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Quảng Trị (2)	37.578.346.568	85.027.739.424
Vay bằng VND	28.981.324.365	46.110.427.221
Vay bằng USD	8.597.022.203	38.917.312.203
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	20.000.000.000	20.000.000.000
<b>Cộng</b>	<u><b>62.409.891.162</b></u>	<u><b>109.600.668.474</b></u>
Trừ: Vay dài hạn đến hạn trả	(20.000.000.000)	(59.835.040.000)
<b>Cộng vay dài hạn</b>	<u><b>42.409.891.162</b></u>	<u><b>49.765.628.474</b></u>

(1) Khoản vay Công ty Tài chính Cổ phần Xi măng (CFC) theo Hợp đồng số 01/2009/TDH ngày 22/04/2009 với tổng số tiền vay là 20 tỷ đồng nhằm mục đích đầu tư Dự án Trạm nghiền Xi măng tại Quảng Trị, số tiền vay đã giải ngân là 4.469.337 đồng. Thời hạn vay là 9 năm kể từ ngày ký hợp đồng. Thời gian ân hạn là 6 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên. Đến thời điểm lập báo cáo này, chưa có bất kỳ khoản nợ gốc và lãi nào được thanh toán. Công ty Cổ phần Thạch cao Xi măng và Công ty Tài chính Cổ phần Xi măng chưa có thỏa thuận cụ thể về thời hạn thanh toán các khoản vay này.

(2) Khoản vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quảng Trị theo Hợp đồng tín dụng ngày 29/10/2004 được bàn giao từ Công ty Kinh doanh Thạch cao Xi măng, là đơn vị tiền thân của Công ty trước khi cổ phần. Tổng số tiền vay trong hợp đồng là 38.956.000.000 đồng và 3.895.000 USD. Tại Biên bản bổ sung Hợp đồng tín dụng số 05/2008/BSHD ngày 11/09/2008, Công ty và Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quảng Trị đã thống nhất sửa đổi số tiền cho vay là 56,73 tỷ đồng và 2.419.183 USD. Mục đích sử dụng vốn vay để đầu tư cho Dự án Trạm nghiền Xi măng tại Quảng Trị. Thời hạn vay là 108 tháng kể từ ngày Bên vay nhận được món nợ vay đầu tiên. Thời gian ân hạn gốc vay là 24 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Thời gian trả nợ gốc là 84 tháng. Tài sản đảm bảo khoản vay là toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay. Lãi suất áp dụng tại thời điểm 30/06/2010 đối với khoản vay bằng USD là 6,5%/năm, đối với khoản vay bằng VND là 13,2%/năm.

Theo biên bản bổ sung hợp đồng tín dụng số 01/2009/BSHD ngày 26/03/2009, Ngân hàng Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Quảng Trị đã đồng ý cơ cấu lại thời gian trả nợ của Công ty.

Lịch thanh toán chi tiết như sau:

	<u>30/06/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
	VND	VND
Trong vòng một năm	-	39.835.040.000
Trong năm thứ hai	16.039.494.500	18.970.500.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	21.538.852.068	26.222.199.424
<b>Cộng</b>	<u><b>37.578.346.568</b></u>	<u><b>85.027.739.424</b></u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (Tiếp theo)

MẪU B 09a - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn CSH VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND
Tại 01/01/2010	70.000.000.000	18.200.000.000	(287.978.280)	7.451.141.709	1.315.303.645	680.750.004	-
Tăng trong năm	-	-	2.284.280.816	-	-	-	984.872.003
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	-	-
Trả cổ tức	-	-	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	1.996.302.536	-	-	-	-
Tại 30/06/2010	70.000.000.000	18.200.000.000	-	7.451.141.709	1.315.303.645	680.750.004	984.872.003

*Handwritten signature*

15. CỔ PHIẾU

		<u>30/06/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	cổ phiếu	7.000.000	7.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	cổ phiếu	7.000.000	7.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	cổ phiếu	7.000.000	7.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	cổ phiếu	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại		-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	cổ phiếu	7.000.000	7.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	cổ phiếu	7.000.000	7.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	cổ phiếu	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	đồng/cổ phiếu	10.000	10.000

16. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ so sánh</u>
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (cổ phiếu)	7.000.000	7.000.000
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng)	984.872.003	2.346.129.201
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	141	335

17. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ so sánh</u>
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	1.125.568.004	2.346.129.201
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	-	-
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	-	-
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>1.125.568.004</b>	<b>2.346.129.201</b>
Thuế suất thuế TNDN	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm (*)	140.696.001	586.532.300
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>140.696.001</b>	<b>-</b>

18. DOANH THU

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ so sánh</u>
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	159.838.709.751	130.875.412.449
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.564.836.361	3.052.893.923
<b>Cộng</b>	<b>163.403.546.112</b>	<b>133.928.306.372</b>
Các khoản giảm trừ	-	-
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>163.403.546.112</b>	<b>133.928.306.372</b>

*Handwritten signature*

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ so sánh</u>
	VND	VND
Giá vốn bán hàng hóa	140.506.942.425	118.214.851.644
Giá vốn cung cấp dịch vụ	3.445.743.736	2.550.099.940
<b>Cộng</b>	<b><u>143.952.686.161</u></b>	<b><u>120.764.951.584</u></b>

20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ so sánh</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.187.537.843	2.240.599.687
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.525.124	201.996
<b>Cộng</b>	<b><u>1.190.062.967</u></b>	<b><u>2.240.801.683</u></b>

21. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ so sánh</u>
	VND	VND
Lãi tiền vay	-	1.633.333
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.339.045.975	68.920.216
<b>Cộng</b>	<b><u>2.339.045.975</u></b>	<b><u>70.553.549</u></b>

22. THU NHẬP KHÁC

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ so sánh</u>
	VND	VND
Thu nhập khác từ kinh doanh xi măng	1.875.530.305	1.485.630.035
Thu nhập khác từ kinh doanh thạch cao	728.634.848	114.591.002
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	-	4.590.909
Các khoản thu khác	442.933.178	78.552.528
<b>Cộng</b>	<b><u>3.047.098.331</u></b>	<b><u>1.683.364.474</u></b>



**23. CÁC THÔNG TIN KHÁC**

Theo Nghị quyết số 786/NQ - ĐHĐCĐ ngày 27/04/2010 của Đại hội đồng cổ đông Công ty đã thông qua một số nội dung sau:

- Dự án Trạm nghiền xi măng Quảng Trị sẽ đi vào sản xuất trong tháng 5 năm 2010. Đến thời điểm lập báo cáo này, Dự án đang sản xuất thử và sẽ chính thức đi vào hoạt động từ tháng 9 năm 2010.
- Dự án thành lập Công ty liên doanh khai thác và chế biến thạch cao tại mỏ Champhone, Tỉnh Savanakheth (Lào) với Công ty SATY PHAPB SANGKASY Lào không hiệu quả, Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn đề nghị của Hội đồng quản trị về việc chấm dứt việc liên doanh với Công ty Satyphapbsangkasy và ủy quyền cho Hội đồng quản trị tiến hành các thủ tục chấm dứt liên doanh theo quy định.
- Dự án thành lập Công ty liên doanh khai thác và chế biến thạch cao tại Lào với Quốc doanh khai thác thạch cao Lào, Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị tiếp tục triển khai các bước tiếp theo, quyết định về quy mô, thời điểm và các nội dung liên quan đến Dự án nhằm đảm bảo nguồn thạch cao cung cấp cho sản xuất xi măng trong chiến lược dài hạn.
- Dự án xây dựng Khách sạn tại khu đất 24 đường Hà Nội - thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế hiện nay đã được cấp chứng chỉ quy hoạch, đã hoàn thành việc thuê đất dài hạn. Tuy nhiên do ảnh hưởng của suy thoái kinh tế toàn cầu, đang tạm đình hoãn. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị tiếp tục nghiên cứu, phân tích hiệu quả để khởi động lại Dự án.

**24. THAY ĐỔI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT**

Ngày 27/04/2010, Đại hội đồng cổ đông Công ty đã họp và thông qua Nghị quyết số 786/NQ-ĐHĐCĐ, trong đó chấp thuận xin từ nhiệm của ông Tạ Quang Bửu, Chủ tịch Hội đồng quản trị và bổ nhiệm bà Nguyễn Bích Thủy làm Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty; chấp thuận ông Huỳnh Trung Hiếu từ chức Trưởng ban kiểm soát, đồng thời bổ nhiệm ông Đặng Minh Hoàng - ủy viên Ban Kiểm soát Tổng công ty Công nghiệp xi măng Việt Nam giữ chức Trưởng ban kiểm soát Công ty.

**25. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 30/06/2010.

*Handwritten signature*

26. SỐ DƯ VÀ NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010, Công ty đã có các giao dịch quan trọng với các bên liên quan sau:

	<u>Kỳ này</u> VND	<u>Kỳ so sánh</u> VND
<b>Doanh thu</b>		
Công ty Cổ phần Xi măng Bút Sơn	23.840.273.090	16.000.027.237
Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn	13.377.440.181	14.601.118.703
Công ty Cổ phần Xi măng Hoàng Mai	4.195.689.545	3.179.618.181
Công ty Xi măng Tam Điệp	3.994.517.160	1.260.287.400
Công ty Cổ phần Xi măng Hải Vân	7.247.356.239	13.160.706.782
Công ty Xi măng Hải Phòng	11.482.216.799	-
Công ty Xi măng Hoàng Thạch	11.490.903.391	-
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 2	20.033.505.708	12.106.263.636
Công ty Cổ phần Xi măng VLXD Đà Nẵng	-	150.512.699
<b>Mua hàng</b>		
Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn	49.944.598.400	44.650.290.190
Công ty Cổ phần Xi măng Hoàng Mai	1.243.771.821	807.286.452
Công ty Xi măng Hoàng Thạch	7.058.881.195	20.271.191.364
Công ty Xuất nhập khẩu xi măng	16.379.428.672	4.314.434.657
Công ty Cổ phần Xi măng Hải Vân	-	369.470.967
Công ty Cổ phần Bao bì Bim Sơn	-	708.000.000

Số dư với các bên liên quan

	<u>30/06/2010</u> VND	<u>01/01/2010</u> VND
<b>Các khoản phải thu</b>		
Công ty Cổ phần Xi măng Hải Vân	3.454.500.920	1.992.506.190
Công ty Cổ phần Xi măng Bút Sơn	10.236.427.400	5.464.773.600
Công ty Xi măng Hoàng Thạch	-	5.198.555.451
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 2	6.105.805.200	4.255.020.000
Công ty Xi măng Hải Phòng	12.630.445.400	4.244.562.000
Công ty Xi măng Tam Điệp	1.784.060.020	6.001.736.664
Công ty Cổ phần Xi măng Hoàng Mai	972.286.948	2.728.227.750
<b>Trả trước cho người bán</b>		
Công ty Xuất nhập khẩu xi măng	-	2.427.164.270
Công ty Đầu tư phát triển xi măng	10.869.000	10.869.000
<b>Các khoản phải trả</b>		
Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn	9.252.622.751	6.763.443.933
Công ty Xi măng Hoàng Thạch	886.931.334	662.913.500
Công ty Xuất nhập khẩu xi măng	1.854.316.671	-
Phải trả lãi vay Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	1.666.666.666	1.260.000.000
Phải trả khác Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	212.471.563	201.279.284
Phải trả lãi vay Công ty Tài chính Cổ phần Xi măng Việt Nam	-	64.509.161

*MAL*

**Các khoản vay**

Công ty Tài chính Cổ phần Xi măng Việt Nam	4.831.544.594	4.572.929.050
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	70.000.000.000	20.000.000.000

**27. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh đối với các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ là số liệu trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán An Phú. Số liệu so sánh đối với các chỉ tiêu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là số liệu cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2009 đến 30/06/2009 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán An Phú.



*Handwritten signature*